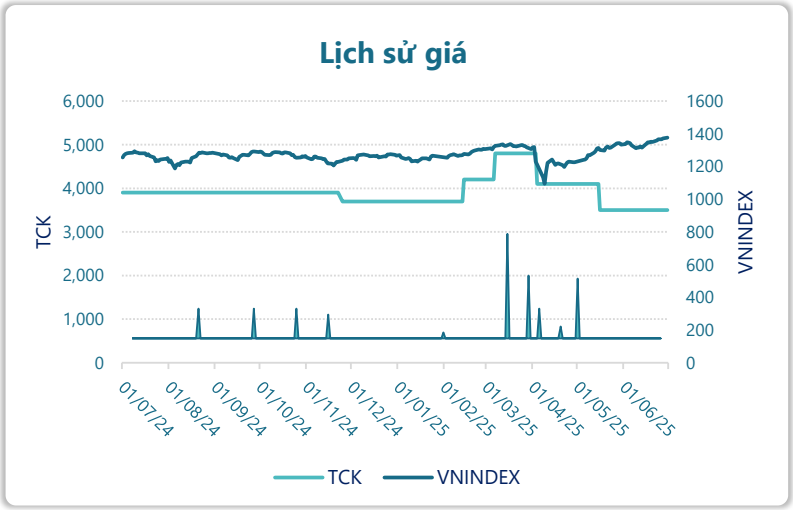
FireAnt

Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	23,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
P/E	2.0
EPS	1,756

DT thuần

Q2/25

70.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.80| 14.4%

YoY: ▲ 16.7| 31.4%

LN sau thuế

Q2/25

2.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.25| 76.5%

YoY: ▲ 0.86| 42.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.2%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

6T 2025

131

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.6| 36.2%

LN sau thuế

6T 2025

4.51

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.06| 921%

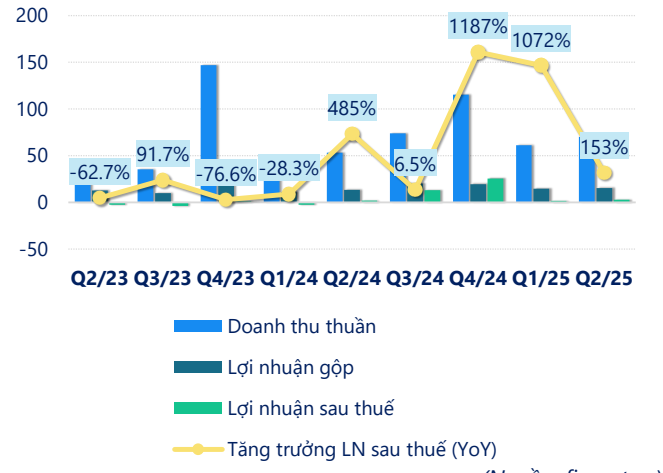
ROE

Q2/25

-59.7%

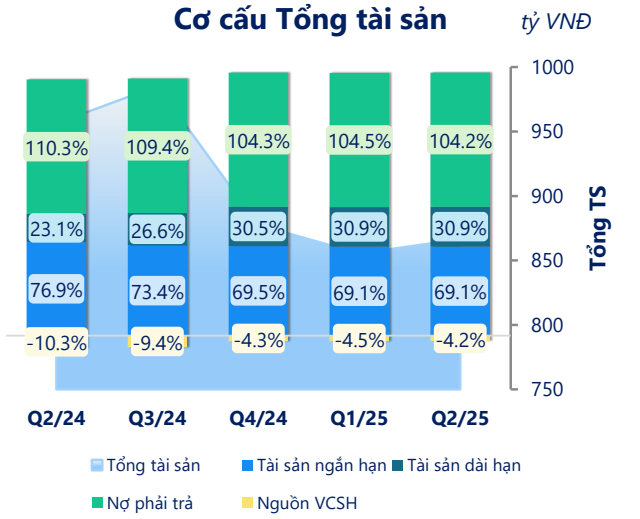
+/- YoY: ▼ 59.7%

Kết quả kinh doanh



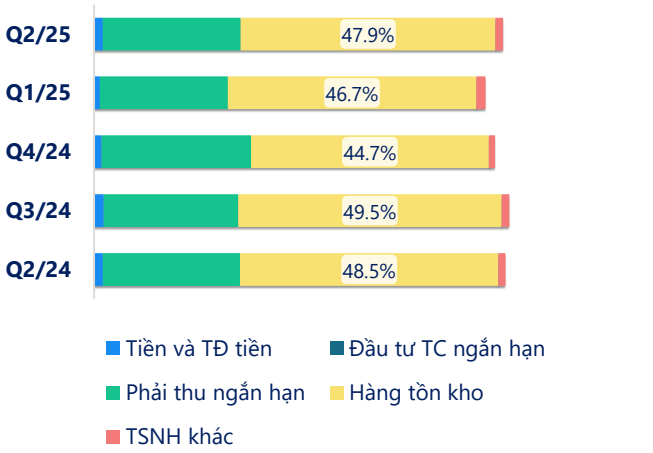
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



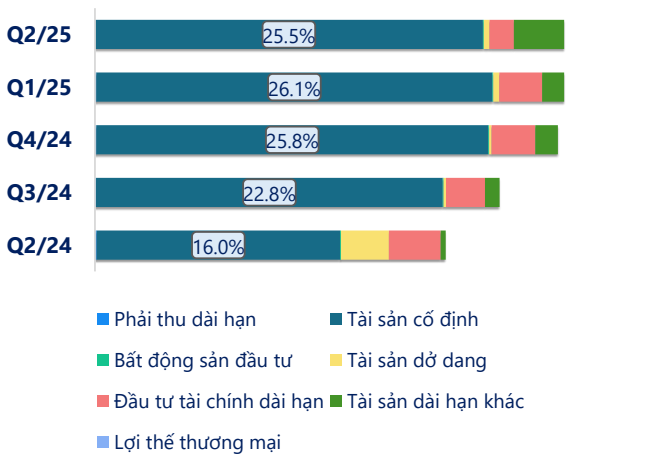
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



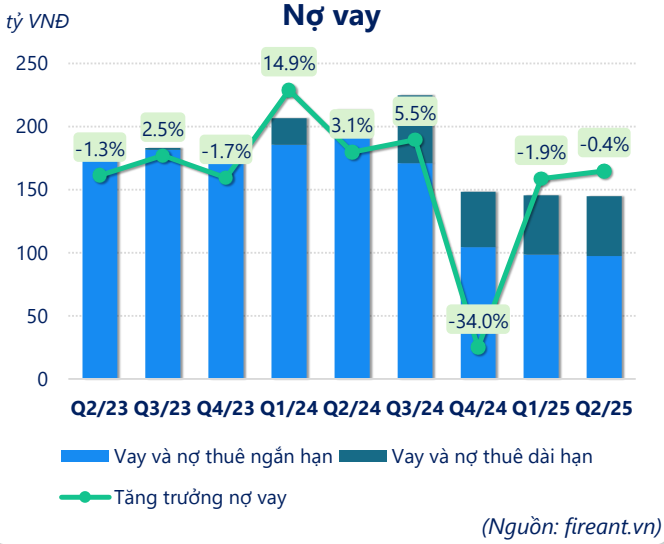
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



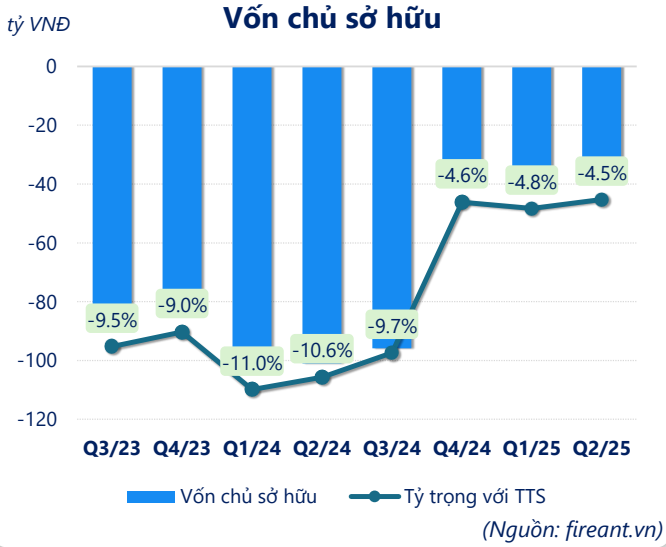
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



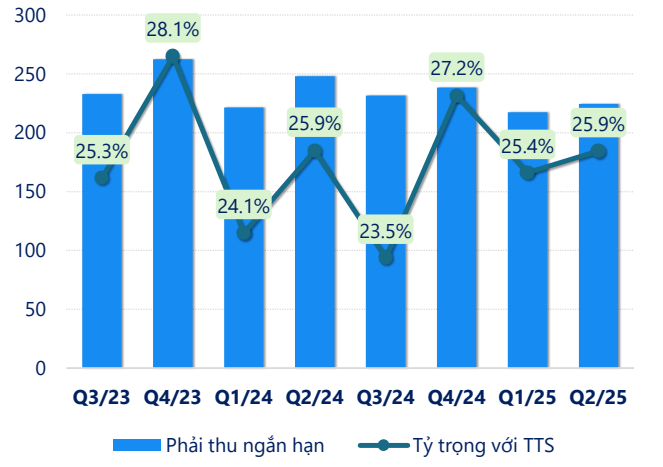
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



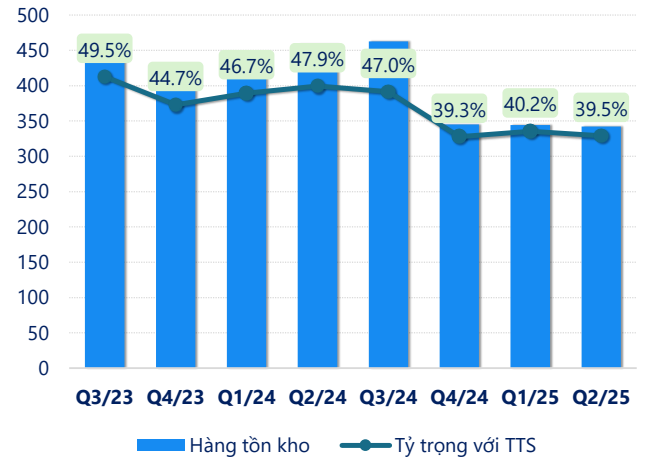
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



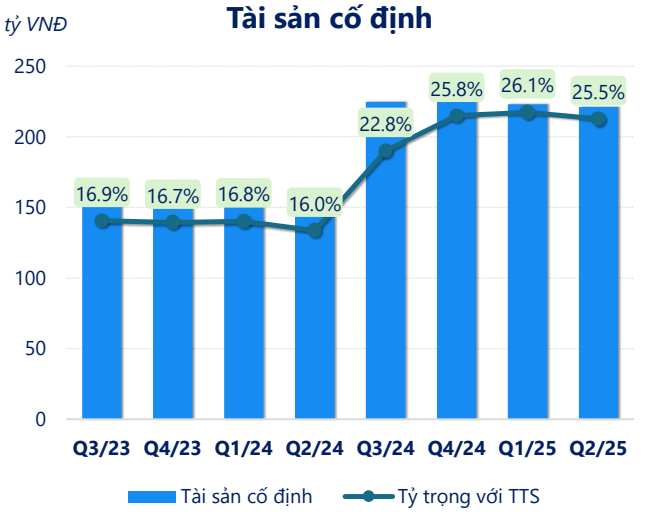
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



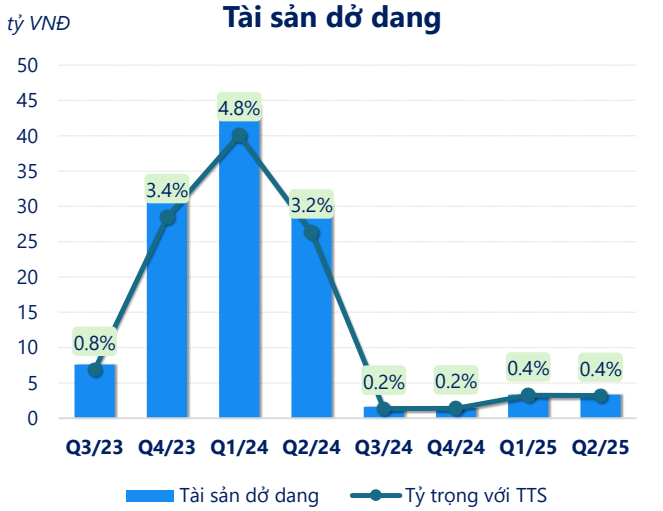
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



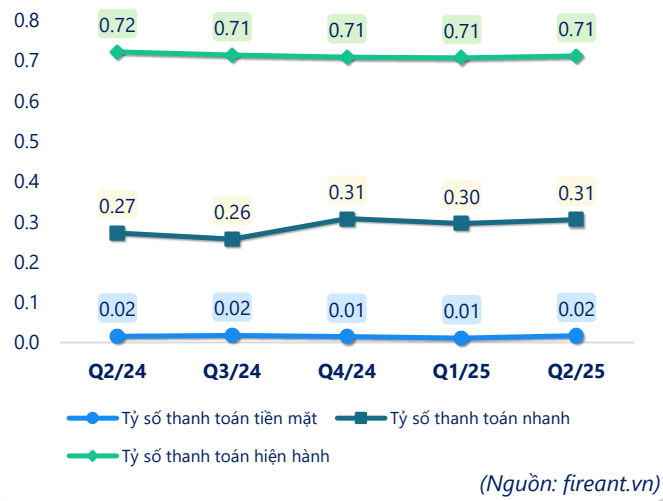
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



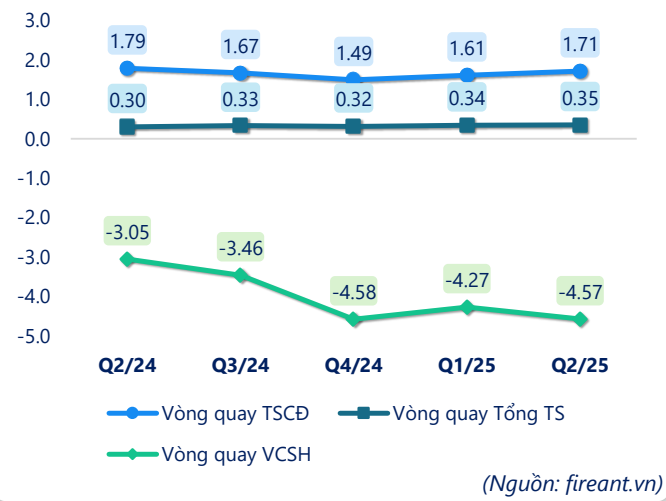
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**956**	**985**	**877**	**855**	**866**
Tài sản ngắn hạn	**736**	**723**	**610**	**591**	**599**
Tiền và tương đương tiền	15.7	17.8	12.7	9.17	14.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	4.52	2.58
Phải thu ngắn hạn	248	232	238	217	225
Hàng tồn kho	458	463	345	344	342
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	10.8	13.8	15.8	15.5
Tài sản dài hạn	**221**	**262**	**267**	**264**	**267**
Phải thu dài hạn	1.02	0.78	0.78	0.78	0
Tài sản cố định	153	225	226	223	221
Bất động sản đầu tư	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dở dang	30.2	1.62	1.50	3.32	3.32
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	25.2	25.3	24.1	13.8
Tài sản dài hạn khác	3.13	9.58	13.0	12.5	28.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,054**	**1,078**	**915**	**894**	**903**
Nợ ngắn hạn	**1,019**	**1,013**	**861**	**836**	**842**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	191	171	104	98.6	97.5
Phải trả người bán ngắn hạn	144	109	110	97.5	99.9
Nợ dài hạn	35.6	65.6	54.4	57.7	61.0
Vay và nợ thuê dài hạn	21.7	53.9	43.8	46.9	47.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-98.2**	**-93.0**	**-37.6**	**-38.4**	**-36.3**
Vốn chủ sở hữu	**-101**	**-95.9**	**-40.5**	**-41.3**	**-39.2**
Vốn điều lệ	239	239	239	239	239
Kinh phí và quỹ khác	2.88	2.88	2.88	2.88	2.88

(Nguồn: fireant.vn)